

GIAN LẬN TRONG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ: MỘT BÀI HỌC

FRAUD IN DOCUMENTARY CREDIT: A LESSON

TÔN NGUYỄN TRỌNG HIỀN^(*)

TÓM TẮT: Trong điều kiện kinh tế thị trường, các quan hệ kinh tế cũng như ngoại thương phát triển nhanh chóng. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ được xem là một trong những công cụ giao dịch thanh toán chắc chắn và đáng tin cậy cho các bên tham gia xuất và nhập khẩu. Thông qua việc đánh giá lại các vụ kiện quốc tế nổi bật, nghiên cứu cho thấy rất nhiều hình thức gian lận khác nhau đã gây thiệt hại rất lớn về chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, ngân hàng.

Từ khóa: tín dụng chứng từ, gian lận, xuất nhập khẩu.

ABSTRACT: In a market economy, economic relations as well as foreign trade develop rapidly. Documentary credit is considered one of the steady and reliable payment transaction tools for both exporters and importers. Through the review of outstanding international litigations, research shows that many forms of fraud have provoked huge losses in costs and time for businesses and banks.

Key words: documentary credit, fraud, import and export.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, có nhiều phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế như: nhờ thu, chuyển tiền, tín dụng chứng từ,... Tuy nhiên, trong số đó tín dụng chứng từ là phương thức thanh toán được sử dụng phổ biến nhất [1, tr.6]. Tín dụng chứng từ có nhiều loại, nhưng phần lớn là tín dụng chứng từ không thể hủy ngang (Irrevocable Letter Of Credit). Ấn bản đầu tiên của Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP-Uniform Custom and Practice for Documentary Credits) được xuất bản là UCP 1933, qua nhiều năm, phiên bản UCP mới nhất đến nay là UCP 600 được Ủy ban

Ngân hàng của ICC phê chuẩn tại cuộc họp ở Paris vào ngày 25-10-2006.

Có thể nói rằng, các cá nhân tham gia trong hợp đồng mua bán theo hình thức tín dụng chứng từ phải tuân thủ nghiêm ngặt các điều khoản của tín dụng chứng từ như đã giao ước thì giao dịch thanh toán mới thành công. Thế nhưng, vô tình hay cố ý, rất nhiều trường hợp đã phải kiện nhau ra tòa gây tổn thất lớn về thời gian và tiền bạc, không những cho doanh nghiệp mà ngay cả ngân hàng phải nhận trách nhiệm trong hợp đồng giao dịch theo hình thức tín dụng chứng từ.

^(*) CN. Trường Đại học Cardiff Metropolitan, Anh, tonnguyentronghien@gmail.com,
Mã số: TCKH09-20-2018

Bài viết sẽ tiến hành phương pháp nghiên cứu tham khảo các vụ kiện nổi bật trên cơ sở dữ liệu WESTLAW của Thomson Reuters. Từ kết quả cuối cùng của thẩm phán, bài báo sẽ đúc kết làm bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp và ngân hàng.

2. GIAN LẬN VÀ SỰ ĐỀ PHÒNG

2.1. Gian lận

Một điều chắc chắn rằng, khi tín dụng chứng từ được ký kết, cá nhân tham gia trong hợp đồng mua bán theo hình thức tín dụng chứng từ phải tuân thủ nghiêm ngặt các điều khoản của tín dụng chứng từ như đã giao ước. Ngân hàng sẽ xem xét thanh toán cho bên xuất khẩu mà không dựa trên những vi phạm đối với hàng hóa. Điều 5, UCP 600 quy định:

“Các ngân hàng giao dịch trên cơ sở các chứng từ chứ không phải hàng hóa, dịch vụ hoặc các thực hiện khác mà chứng từ có liên quan”.

Điều khoản này một lần nữa được củng cố tại Điều 14(a), UCP 600:

“Ngân hàng được chỉ định thực hiện theo chỉ định ngân hàng xác nhận, nếu có và ngân hàng phát hành phải kiểm tra việc xuất trình, chỉ dựa trên cơ sở chứng từ để quyết định có phù hợp hay không”.

Nguyên tắc làm việc của ngân hàng là chỉ xem xét đánh giá các tài liệu, và chứng từ hợp lệ sẽ được thanh toán; các ngân hàng sẽ không kiểm tra chất lượng hàng hóa hoặc hàng hóa đã được vận chuyển hay chưa được đề cập trên vận đơn vì bản thân ngân hàng không muốn thanh toán cho những trường hợp dấu hiệu sai phạm về chứng từ mà có thể tạo sự không chắc chắn

trong việc bồi hoàn. Thế nhưng có một ngoại lệ, đó là gian lận hàng hóa.

Trường hợp phổ biến được biết đến như là hành vi cố tình dựa trên kế hoạch quy định UCP nhằm gian lận hàng hóa xuất khẩu là trường hợp của Szejn và Transea [2]. Trường hợp liên quan giữa Szejn và Transea. Szejn đã chỉ định ngân hàng Schroder mở một thư tín dụng không hủy ngang đối với Transea. Những gì mà Szejn nhận ra là *“Transea đã lấp đầy năm mươi thùng hàng lông vũ cùng những vật liệu vô giá trị và ‘rác rưởi’ với ý định mô phỏng y hệt hàng hóa chính hãng và lừa gạt nguyên đơn”* sau khi nhận đầy đủ các khoản thanh toán. Mặc dù nguyên tắc độc lập của tín dụng chứng từ nói rằng, ngân hàng không thể từ chối thanh toán cho các chứng từ hợp lệ. Tuy nhiên, thẩm phán Sientag cho rằng, vì người bán có mục đích không vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu của người mua, do đó quy định UCP có thể được mở rộng để bảo vệ nguyên đơn.

Qua trường hợp gian lận Szejn và Transea, chúng ta thấy được sự nguy hiểm hành vi vi phạm đánh tráo hàng hóa. Thế nhưng, nguy hiểm hơn cả là hành vi vi phạm chứng từ thanh toán.

Thật vậy, hành vi vi phạm hồ sơ chứng từ thanh toán hết sức nguy hiểm và có thể phá vỡ bản chất tự trị của tín dụng chứng từ. Những trường hợp gian lận thường hết sức tinh vi và do đó vô tình hay cố ý, trường hợp Bulgrains & Co Ltd v Shinhan [2013] EWHC 2498 [3] là một trong những trường hợp vi phạm nguyên tắc này. Đối với trường hợp này, tên của người thừa hưởng trong thư tín dụng chứng từ là *“Bulgrains Co Limited”* không có hiệu lực

đối với tên đăng ký và tên được in trong hóa đơn: “Bulgrains & Co Limited”. Những tưởng rằng quy định UCP sẽ được mở rộng để bảo vệ hành vi có vẻ vô ý vi phạm, tuy vậy ngân hàng xác nhận đã từ chối hồ sơ đệ trình và quyết định của tòa án phúc thẩm là ngân hàng có quyền từ chối các thanh toán chính vì lý do sau: “*Sự sai lệch từ ‘&’ (và) trong ‘Bulgrains’ và ‘Co Limited’ là một sự chênh lệch ‘xác đáng’, do đó hậu quả là ngân hàng được quyền từ chối các tài liệu đệ trình*”.

Chúng ta thấy, quyết định tòa án phúc thẩm đó là quyết định đúng đắn. Quy định mới được mô tả trong UCP 600 tuy có sự linh hoạt hơn UCP 500 bằng sự việc mở rộng quy định lên miêu tả hàng hóa. Điều 37, UCP 500 quy định: “*Các mô tả về hàng hoá trong hoá đơn thương mại phải phù hợp với mô tả trong thư tín dụng*”, trong khi Điều 14(d) UCP 600 quy định: “*Dữ liệu trong một chứng từ không nhất thiết phải giống hết dữ liệu tín dụng, nhưng không được mâu thuẫn, dữ liệu trong tài liệu đó, bất kỳ tài liệu hoặc tín dụng nào khác*”.

Tuy vậy, trường hợp của Bulgrains & Co Ltd v Shinhan đã không được áp dụng các điều khoản bổ sung cũng như việc phá vỡ nguyên tắc để bảo đảm thanh toán cho bên xuất khẩu khi có sai lệch trong hồ sơ tín dụng chứng từ.

Tương tự là trường hợp gian lận Glencore International A.G. và Ngân hàng Trung Quốc [1996] 1 Lloyd's Rep. 135 [4], thẩm phán cho rằng, tài liệu của Glencore là bản sao có chữ ký mà không được đánh dấu là “gốc” để tòa án chấp thuận cho phép

ngân hàng thanh toán mặc dù nó có vẻ như thể bản gốc đã được ký kết bằng mực xanh.

Vụ kiện khi ấy được áp dụng theo quy định UCP 500. Điều 20 (b)-UCP 500 định nghĩa: “*Trừ khi quy định khác trong thư tín dụng, các ngân hàng cũng chấp nhận một (các) tài liệu gốc, một (các) tài liệu được tạo lập (Produced) hoặc thể hiện là đã được tạo lập: (i) Bằng hệ thống sao chụp, tự động hoặc bằng vi tính hóa; (ii) Là các bản sao bằng giấy than (giấy carbon). Điều kiện là nó được đánh dấu là bản gốc (original),...*”.

Rất may, UCP 600 quy định lại rằng, nếu tài liệu không được đánh dấu là “bản gốc” nó nên thỏa mãn điều khoản quy định trong Điều 17(b): “*Ngân hàng sẽ xem lại chứng từ gốc bất kỳ chứng từ nào có chữ ký hoặc có nhãn gốc thực của người phát hành, trừ khi chúng chỉ ra không phải chứng từ gốc*”.

Như vậy, nếu như vụ kiện Glencore International A.G. và Ngân hàng Trung Quốc nếu như được xét xử sau khi UCP 600 ban hành vào năm 2006 thì Glencore có thể được thanh toán theo quy định nếu như chứng minh giấy tờ hợp lệ.

2.2. Sự đề phòng

Một vụ kiện có thể kéo dài vài năm, và gây tổn thất lớn về chi phí cũng như khó khăn về điều kiện địa lý bởi lẽ khi các bên tham gia vụ kiện sẽ không hài lòng với việc sẽ xét xử ở quốc gia của đối phương (theo họ sẽ có lợi cho đối phương) mà đó phải là tòa án quốc tế. Lẽ dĩ nhiên, một khi vụ kiện xảy ra thì nghĩa vụ và trách nhiệm liên đới của ngân hàng tham gia tố tụng là không tránh khỏi. Tuy nhiên, dường như tiêu chí của các ngân hàng khi

tham gia bảo lãnh cho các bên mua bán là một sự đề phòng: “hầu tòa hơn là chấp nhận thanh toán”. Họ chấp nhận tham gia vụ tố tụng hơn là thanh toán cho những dấu hiệu mà họ cho là gian lận. Thật vậy, điều này hoàn toàn đúng, bởi lẽ nếu như ngân hàng chỉ định thanh toán, thanh toán cho những trường hợp gian lận trong đề trình thì chính ngân hàng này phải chịu trách nhiệm, hoặc chính họ đã gây nguy hại cho bên nhập khẩu. Các ngân hàng đã thận trọng vì họ đã chứng kiến những trường hợp đáng tiếc xảy ra do hành vi gian lận. Dann [5, tr.1221-1223] dẫn chứng một trường hợp của công ty GYP (một tập đoàn ở California-Hoa Kỳ). GYP đã trình các giấy tờ cho ngân hàng quốc gia Harley để thanh toán cho bộ hồ sơ tín dụng. Ngân hàng Harley đã từ chối thanh toán vì chứng nhận xuất xứ không được hợp pháp hóa bởi đại sứ quán ở New York. Một giờ sau, GYP đã trả lại hồ sơ đầy đủ có giấy chứng nhận xuất xứ hợp lệ. Mặc dù biết rằng GYP không thể thực hiện được một khoảng thời gian ngắn như vậy, ngân hàng quốc gia Harley vẫn chấp nhận thanh toán. Số tiền thanh toán đã được hoàn ngay sau đó lại theo cam kết của công ty nhập khẩu PRS, kết quả dẫn đến việc hàng hoá không được vận chuyển và PRS mất \$700.000 USD.

Sự thật là, các ngân hàng gặp không ít khó khăn khi phải nhận diện đâu mới thật là hành vi gian lận. Và đôi khi quá thận trọng lại gây khó khăn cho các bên.

Glass Fibres & Equipment Ltd (GFE) ký hợp đồng với *Vitrorefuerzos SA* (Vistro) [6]. Vistro đã chỉ thị cho Banco Continental SA ở Peru mở một thư tín dụng không hủy

ngang đối với GFE và được Ngân hàng Hoàng gia Canada (RBC) xác nhận. Các lô hàng được gửi đến ngày 15-12-1976. Tuy nhiên, hàng hóa cuối cùng được vận chuyển vào ngày 16-12 bởi nhà vận chuyển hàng. Khi tài liệu được đệ trình, ngân hàng đã từ chối vì họ khẳng định có gian lận trong các hồ sơ bởi vì nhà vận chuyển không được vận chuyển vào ngày 15-12. Vụ kiện kéo dài nhiều năm, qua nhiều cấp tòa án, và bản thân quyết định tòa án thay đổi liên tục đảo chiều qua các cấp xét xử. Quyết định tòa án phúc thẩm cho rằng ngân hàng chỉ định thanh toán có quyền từ chối đệ trình, bởi theo điều 18(c)-UCP 600 miêu tả: “*Mô tả hàng hóa, dịch vụ hoặc thực hiện trong hóa đơn thương mại phải phù hợp với mô tả hàng hóa trong tín dụng*”.

Thế nhưng, ngân hàng được chỉ định thanh toán cuối cùng không thể từ chối thực hiện yêu cầu thanh toán của người thụ hưởng. Quyết định cuối cùng của Thượng Nghị viện Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (House of Lords) kết luận: “*Đối với tuyên bố chung về các nghĩa vụ hợp đồng của ngân hàng xác nhận với người bán, có một trường hợp ngoại lệ được xác định: đó là nơi người bán (nhà xuất khẩu) có mục đích rõ ràng hoặc có dấu hiệu gian lận, dựa trên bằng chứng cho thấy ông ấy (nhà xuất khẩu) không có hiểu biết về gian lận (không cố ý gian lận)*”.

Rõ ràng, các ngân hàng có thể từ chối thanh toán. Tuy nhiên, cần phải nhận thức được thực tế là ngân hàng phải có bằng chứng gian lận nhất định trước khi đưa ra quyết định từ chối. Trong trường hợp này, tòa cho rằng gian lận không rõ ràng bởi nó

không nằm trong dự kiến hay chủ đích của bên xuất khẩu.

Cũng bởi vì cần trọng đối với hành vi gian lận trong giao dịch bằng hình thức tín dụng chứng từ, không ít trường hợp bất đồng giữa các ngân hàng trong quyết định thanh toán cho vận đơn. Sự bất đồng vô tình dẫn đến sự thay đổi quyền và nghĩa vụ đối với các bên có nguy cơ gian lận. Được biết đến như một trong những vụ kiện đầu tiên sau khi UCP 600 ra đời, Fortis Bank SA/NV và Stemcor UK Limited v Indian Overseas Bank [2011] EWCA Civ 58 [7] liên quan đến quyền thanh toán giữa ngân hàng phát hành và ngân hàng xác nhận. Trường hợp này là khoảng 5 hợp đồng bán hàng độc lập vào năm 2008 theo hình thức thư tín dụng kết hợp với điều khoản thương mại Incoterm 2000. Stemcor đến từ Anh hợp đồng xuất khẩu container phế liệu đến công ty SESA của Ấn Độ. Năm thư tín dụng ghi rõ người thụ hưởng là Stemcor được phát hành bởi Ngân hàng Overseabank Ấn Độ (IOB) và được quy định phải tuân theo UCP 600.

Tháng 8-2008, Stemcor đề nghị thanh toán thư tín dụng 1-3 tại ngân hàng Fortis (ngân hàng xác nhận theo suy nghĩ của Fortis) và tín dụng 1-3 sau đó được Fortis xác nhận hợp lệ và thanh toán cho Stemcor. Thư tín dụng 4-5 sau đó được đệ trình cho Fortis, tuy nhiên chúng không được xác nhận và chuyển tiếp tới IOB cùng tới tín dụng 1-3. Vào một ngày của tháng 11-2008, IOB đã bác bỏ các tài liệu tín dụng 1-4 do Fortis đưa ra, theo Fortis do sự không nhất quán trong nội dung tín dụng và không đồng ý chi trả cho khoản thanh toán cho thư tín dụng 1-3 mà Fortis đã thanh

toán cho Stemcor trước đó. Ngày 13-01-2009, Fortis đã bổ sung hướng dẫn cho IOB nhưng IOB cũng đã từ chối các tài liệu nhưng tài liệu không được trả lại cho đến ngày 16-02-2009.

Fortis và IOB đều bày tỏ quan điểm của mình. Theo quan điểm của Fortis, họ nghĩ rằng họ phải là một ngân hàng xác nhận hoặc ngân hàng chỉ định, do đó họ rõ ràng có quyền nhận bồi hoàn từ IOB. Ngược lại, IOB lập luận rằng Fortis đã chỉ là ngân hàng đứng ra thương lượng (negotiating bank) và Fortis sẽ không được hoàn trả theo UCP 600 - Điều 7(c) như sau: *“Ngân hàng phát hành cam kết hoàn trả cho ngân hàng được chỉ định mà ngân hàng này đã thanh toán hoặc đã thương lượng cho một xuất trình phù hợp,... Ngân hàng phát hành cam kết hoàn lại ngân hàng được chỉ định là độc lập với cam kết của ngân hàng phát hành cho người thụ hưởng”*.

Đối với quan điểm của IOB, bởi vì Fortis không phải là ngân hàng được chỉ định theo Điều 7(c), do đó Fortis không được hưởng cam kết chi trả khoản thanh toán của ngân hàng phát hành. Hơn nữa, do sự chậm trễ trong các đàm phán, IOB cho rằng Fortis đã thất bại theo quy định Điều 14(b) của UCP 600 miêu tả: *“Một ngân hàng được chỉ định hoạt động theo chỉ định, ngân hàng xác nhận, nếu có và ngân hàng phát hành sẽ có tối đa năm ngày làm việc sau ngày trình bày để xác định xem việc xuất trình có phù hợp hay không”*.

Sự việc được tòa án quốc tế tuyên bố như sau: bởi vì Fortis “xác nhận theo yêu cầu và thanh toán chi phí” vì vậy Fortis là một ngân hàng xác nhận theo UCP 600.

Tòa án cũng cho rằng, một khi IOB quyết định trả lại tài liệu theo Điều 16, nó sẽ phải tuân thủ với các thời hạn quy định tại khoản 16(d) và 14(b). Do đó, theo Điều 16(f) UCP 600 quy định: “Nếu một ngân hàng phát hành hoặc ngân hàng xác nhận không hành động theo các quy định của điều khoản thì sẽ mất quyền khiếu nại về xuất trình không phù hợp”, một khi IOB đã quyết định từ chối các tài liệu thì phải có nghĩa vụ trả lại tài liệu đúng thời hạn. Tòa án phúc thẩm kết luận rằng, vấn đề không phải là thời gian, đó là việc liệu Fortis có tuân thủ theo Điều 7 (c)-UCP 600 hay không. Bằng chứng cho thấy, Fortis đã không tuân thủ theo UCP 600. Tuy nhiên, vẫn còn có giá trị để hoàn trả từ IOB; IOB bị loại khỏi yêu cầu bồi thường do không tuân thủ Điều 16(d) và 14(b). Trong trường hợp của Fortis Bank SA/NV và Stemcor UK Limited, bằng chứng cho thấy bản thân IOB rất cẩn thận trong việc xem xét tính chính xác của các tài liệu để tránh gian lận là cần thiết. Tuy nhiên, có thể thấy nếu tòa án cho rằng IOB đã chính xác và không có nghĩa vụ phải trả lại tài liệu, nó sẽ làm suy yếu sự chắc chắn của UCP. Điểm mấu chốt là các ngân hàng phải đảm bảo một khi tài liệu được xác định là không phù hợp, họ phải được thông báo và xử lý kịp thời.

3. KẾT LUẬN

Những quy định UCP đã cố gắng bảo vệ lợi ích của các bên, nhưng rõ ràng hành vi gian lận trong tín dụng chứng từ là “vô thời & phổ quát”. Từ những hình thức gian lận cơ bản là đánh tráo hàng hóa giao dịch (*Sztejn* và *Transeal*), tiến bộ trong công nghệ in đã tiếp tay cho hành vi phi đạo đức

để tạo ra các tài liệu dường như có vẻ là chứng từ gốc (*Glencore International A.G.* và *Ngân hàng Trung Quốc*), cho đến lỗi sai khá tinh vi sai sót tên đăng ký công ty (*Bulgrains & Co Ltd v Shinhan*), tất cả đều tạo ra những rủi ro, những phiền toái và tổn thất cho doanh nghiệp, cũng như gián tiếp tạo ra sự thay đổi quyền và nghĩa vụ của ngân hàng (*Fortis* và *Stemcor*).

Qua kết quả nghiên cứu các vụ kiện, tác giả đúc kết bài học dành cho các bên như sau:

Đề xuất dành cho doanh nghiệp (nhà xuất khẩu): UCP là một bộ những quy tắc hướng dẫn, và do đó trước khi ấn định nội dung thư tín dụng trong hợp đồng mua bán những nhà xuất khẩu nên cân nhắc đàm phán các điều khoản để tránh trình hợp gây bất lợi sau này. Điều khoản bao gồm: ngày phát hành, ngày đáo hạn, ngân hàng phát hành, ngân hàng xác nhận, loại tín dụng chứng từ,... đặc biệt là các từ ngữ quy định trong thư tín dụng (tên doanh nghiệp, ngày đáo hạn thanh toán,...). Hơn nữa, để giao dịch được thuận lợi không bị gián đoạn, nhà xuất khẩu nên đặc biệt quan tâm đến chứng minh tính hợp lệ, bao gồm: chữ ký, chứng minh giấy tờ gốc,...

Những quy định UCP 600 đã cố gắng bảo vệ lợi ích của các bên, vấn đề là một khi tài liệu đệ trình được cho là hợp lệ, bắt buộc khoản thanh toán giao ước phải được chi trả mà ngân hàng không xem xét đến chất lượng hàng hóa mà nhà nhập khẩu có đúng như hợp đồng hay không. Ở khía cạnh nhà nhập khẩu, ngoài việc cân trọng đàm phán các điều khoản thương mại, để tránh gian lận họ nên cân nhắc xem xét đối tác thương mại (kể cả ngân hàng bảo lãnh)

một cách cẩn thận (ví dụ: dựa trên uy tín, danh tiếng).

Đề xuất dành cho ngân hàng: Ngân hàng phải kỹ lưỡng và sáng suốt xem xét tính hợp lệ của bộ hồ sơ tín dụng chứng từ trước khi có quyết định thanh toán cho người thụ hưởng để tránh rủi ro gian lận. Ngân hàng hoàn toàn có quyền từ chối đệ trình đối với bộ tài liệu không hợp lệ. Tuy nhiên, điều quan trọng ở đây là một khi

ngân hàng xác nhận bộ hồ sơ không hợp lệ, ngân hàng phải có bằng chứng rõ ràng của hành vi gian lận hoặc dấu hiệu gian lận rõ ràng từ người thụ hưởng. Và một điều lưu ý, khi có quyết định từ chối hồ sơ đệ trình, ngân hàng phải thông báo và tuân thủ nghiêm ngặt quy định thời gian thông báo, đối tượng thông báo, cũng như thời hạn trả hồ sơ theo quy định UCP 600.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Friederike Niepmann, F. and Schmidt-Eisenlohr, T. (2014), *International Trade, Risk, and the Role of Banks*. Federal Reserve Bank of New York.
- [2] Sztejn v J. Henry Schroder Banking Corporation (1941), 177 Misc. 719, 31 NYS 2d 631
- [3] *Bulgrains & Co Ltd v Shinhan* [2013] EWHC 2498.
- [4] Glencore International A.G. And Another V. Bank Of China [1996] 1 Lloyd's Rep.
- [5] Dann, D. (1983). *Confirming Bank Liability in Letter of Credit Transactions: Whose Bank Is It Anyway?*. Fordham Law Review, 51(6).
- [6] United City Merchants v Royal Bank of Canada: HL [1983] AC 168.
- [7] Fortis Bank S.A /N.V & Anor v Indian Overseas Bank [2011] EWCA Civ 58.

Ngày nhận bài: 09-4-2018. Ngày biên tập xong: 12-4-2018. Duyệt đăng: 23-7-2018